

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1809/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 14 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên
và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 25/2009/NĐ-CP ngày 06/3/2009 của Chính phủ về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

Căn cứ Quyết định số 23/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (tại Tờ trình số 381/TTr-STNMT ngày 03/10/2013),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Phú Yên (Quy chế kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Trúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Phú Yên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 14/10/2013
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định mục đích, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố ven biển.

Phạm vi quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo đối với địa phương (cấp Tỉnh) là từ bờ biển ra đến 06 hải lý (01 hải lý = 1,852km).

Điều 2. Mục đích phối hợp

1. Thiết lập cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành từ cấp Tỉnh đến cấp xã trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố ven biển; tăng cường hiệu quả công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

3. Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo đảm bảo phát triển bền vững.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm sự quản lý thống nhất, liên ngành, liên vùng; bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan trong việc chủ trì, phối hợp thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Việc thực hiện các nhiệm vụ phối hợp dựa trên chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan. Các nội dung phối hợp để thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Việc thực hiện các nhiệm vụ phối hợp phải bảo đảm bí mật quốc gia, bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật; bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển và hải đảo.

4. Không cản trở các hoạt động khai thác, sử dụng hợp pháp tài nguyên biển, hải đảo và các hoạt động hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân trên vùng biển, hải đảo do Tỉnh quản lý.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Tỉnh:

a) Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo hàng năm.

b) Tổ chức thực hiện và rà soát, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

c) Theo dõi, thực thi pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Lập và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo:

a) Điều tra, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; hiện trạng, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

b) Xây dựng, tổ chức lấy ý kiến, hoàn thiện chương trình, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quản lý thống nhất hoạt động điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo:

a) Lập và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo.

b) Quản lý việc thực hiện chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo.

c) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu cấp Tỉnh về điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo.

d) Định kỳ hàng năm báo cáo tình hình kết quả điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý của các ngành và địa phương.

4. Phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển, hải đảo:

a) Nghiên cứu, điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xác định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, hải đảo.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, xử lý, khắc phục hậu quả ô nhiễm, suy thoái môi trường, phục hồi, cải thiện chất lượng môi trường biển, hải đảo; ứng phó sự cố môi trường, thiên tai trên vùng biển, ven biển, hải đảo của Tỉnh.

c) Theo dõi, giám sát và cảnh báo sự cố môi trường, thiên tai trên vùng biển, ven biển và hải đảo.

d) Quan trắc biến động, đánh giá hiện trạng và dự báo xu thế biến động bờ biển.

5. Tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo:

a) Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý tổng hợp, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; phòng, chống thiên tai trên vùng biển, ven biển và hải đảo của Tỉnh.

b) Tổ chức Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam.

6. Hợp tác quốc tế và trong nước về lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo:

a) Điều tra, nghiên cứu tài nguyên và môi trường biển, hải đảo; ứng dụng khoa học - công nghệ phục vụ công tác điều tra, nghiên cứu biển.

b) Xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường biển, hải đảo và ứng phó sự cố tràn dầu, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN, HẢI ĐẢO

Điều 5. Xây dựng, thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì:

a) Hàng năm phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các địa phương ven biển xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và UBND Tỉnh; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

b) Rà soát, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; theo dõi, thực thi pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

c) Tham mưu UBND Tỉnh tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường biển, hải đảo thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, UBND Tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác rà soát, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên

và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; theo dõi, thực thi pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

3. Các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm:

a) Tham gia góp ý xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, UBND Tỉnh hoặc các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương.

b) Đề xuất, kiến nghị Hội đồng nhân dân, UBND Tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các Nghị quyết, Quyết định hoặc Chỉ thị về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, UBND Tỉnh hoặc các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố ven biển có trách nhiệm:

a) Đề xuất, kiến nghị UBND Tỉnh về sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các Quyết định hoặc Chỉ thị về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo hàng năm.

b) Rà soát, tổng kết và báo cáo UBND Tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Điều 6. Lập và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan:

a) Điều tra, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

b) Xây dựng, hoàn thiện chương trình, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo định kỳ 6 tháng/lần.

2. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm:

a) Cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường các thông tin, số liệu trong lĩnh vực được giao quản lý theo quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 Điều này.

b) Tham gia ý kiến về dự thảo chương trình, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

d) Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

đ) Báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trong lĩnh vực được giao quản lý gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp các thông tin, số liệu tổng hợp về bảo tồn đa dạng sinh học biển, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; thông tin, số liệu về quy hoạch và hiện trạng, hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản; các làng nghề ở vùng ven biển; thực trạng và định hướng phát triển dê biển, hệ thống cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền.

4. Sở Giao thông vận tải cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng và định hướng phát triển hệ thống cảng biển, luồng hàng hải, khu neo đậu và các cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng, định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển và các thông tin, số liệu liên quan khác theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng và định hướng phát triển các khu kinh tế ven biển và các thông tin, số liệu liên quan khác theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

7. Sở Xây dựng cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng và định hướng phát triển các khu đô thị, các công trình xây dựng ven biển, hải đảo.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp các thông tin, số liệu thực trạng và định hướng phát triển các khu du lịch, điểm du lịch biển, đảo; thông tin, số liệu về bảo vệ, tôn tạo và phát huy những giá trị các di sản thiên nhiên, các di tích lịch sử văn hóa, thắng cảnh ở vùng ven biển và hải đảo.

9. Sở Công Thương cung cấp các thông tin, số liệu về tình hình và định hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; thông tin, số liệu về dầu khí, chế biến khoáng sản ở vùng ven biển.

10. Ban quản lý Khu kinh tế cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng, định hướng phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp ở vùng ven biển và doanh nghiệp đang hoạt động trong khu kinh tế, khu công nghiệp.

11. Công an Tỉnh cung cấp các thông tin, số liệu về an ninh trật tự, khu vực cần quản lý đặc biệt về an ninh. Tham gia thẩm định quy hoạch, dự án quan trọng ở vùng ven biển có liên quan đến bảo vệ an ninh quốc gia.

12. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh cung cấp các thông tin, số liệu về vùng cấm khai thác, khu vực hạn chế hoạt động, khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố ven biển có trách nhiệm cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thông tin, số liệu về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, tình hình quản lý, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng biển, đảo thuộc phạm vi quản lý;

b) Thông tin, số liệu khu vực đầm, vịnh, bãi bồi, vùng đệm, vùng bờ biển xói lở, rừng phòng hộ, đất ngập nước, khu vực cần bảo tồn hệ sinh thái vùng biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý.

c) Định hướng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng biển, hải đảo.

d) Các giải pháp quản lý, bảo vệ bờ biển.

đ) Báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý của địa phương gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 7. Quản lý hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì lập và trình UBND Tỉnh phê duyệt chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo trên phạm vi cả Tỉnh.

b) Xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu cấp Tỉnh về điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo.

c) Cung cấp các thông tin, số liệu về điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo cho các sở, ngành và địa phương ven biển theo quy định của pháp luật.

d) Thẩm định, tham gia thẩm định các chương trình, dự án điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển theo quy định của pháp luật.

đ) Phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị, thành phố ven biển theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo.

2. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm:

a) Cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường các thông tin, số liệu, bản đồ về thực trạng hoạt động điều tra cơ bản và tình hình quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo trong lĩnh vực được giao quản lý theo quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều này.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định các chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo thuộc lĩnh vực được giao quản lý.

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo do mình quản lý.

đ) Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về kết quả điều tra cơ bản tài nguyên biển do mình quản lý hoặc thực hiện và chuyển giao cơ sở dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để quản lý, đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.

e) Báo cáo định kỳ hàng năm về hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo trong lĩnh vực được giao quản lý gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên sinh

vật biển, hải đảo; kết quả quan trắc môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản hoặc các chương trình quan trắc khác do đơn vị thực hiện.

4. Sở Công Thương cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý và nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên dầu khí.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản di tích lịch sử văn hóa, các khu du lịch, điểm du lịch và cảnh quan sinh thái biển, hải đảo.

6. Sở Giao thông vận tải cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên vị thế phục vụ cho phát triển hệ thống cảng biển, luồng hàng hải, khu neo đậu và các cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển.

7. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên biển, kết quả quan trắc môi trường biển do mình thực hiện; thông tin, số liệu về tình hình an ninh, trật tự, an toàn trên biển, hải đảo.

8. Văn phòng UBND Tỉnh cung cấp thông tin, tài liệu về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong hoạt động đối ngoại liên quan đến việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp các thông tin, số liệu về định hướng phát triển kinh tế biển gắn với nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo; các thông tin, số liệu thống kê có liên quan khác theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố ven biển có trách nhiệm:

a) Cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản về tài nguyên vùng ven biển, đảo do mình thực hiện; thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường vùng ven biển, hải đảo.

b) Báo cáo định kỳ hàng năm về công tác điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo do địa phương thực hiện gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó, khắc phục các sự cố môi trường biển, hải đảo

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì:

a) Tổ chức nghiên cứu, điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ hiện trạng ô nhiễm biển, hải đảo trên phạm vi cả Tỉnh.

b) Tổ chức đánh giá hiện trạng và dự báo xu thế biến động; xác định nguyên nhân gây ô nhiễm; xác định, khoanh vùng đệm để bảo vệ các vùng bờ biển dễ bị tổn thương.

c) Xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc, giám sát môi trường, cảnh báo thiên tai trên biển, hải đảo.

d) Tổ chức hoạt động theo dõi, giám sát và cảnh báo sự cố môi trường, thiên tai trên biển, hải đảo; xây dựng chiến lược, kế hoạch hành động thích ứng với mực nước biển dâng; phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và địa phương ven biển ứng phó kịp thời, khắc phục có hiệu quả các sự cố môi trường, thiên tai trên biển, hải đảo.

đ) Cung cấp các thông tin thu thập được từ hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường, cảnh báo thiên tai trên biển, hải đảo cho các sở, ban, ngành và địa phương ven biển phục vụ công tác phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó, khắc phục các sự cố môi trường, thiên tai trên biển và hải đảo.

e) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo.

g) Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển thực hiện các quy định về quản lý chất thải và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo.

h) Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND Tỉnh về tình hình bảo vệ môi trường biển, hải đảo; việc thực hiện các chương trình, kế hoạch phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm biển, đảo, ứng phó khắc phục sự cố môi trường, thiên tai trên biển, hải đảo của cả Tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm:

a) Cung cấp các thông tin, số liệu về tình hình tác động môi trường, tình hình quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm biển, hải đảo của ngành, lĩnh vực; theo quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều này.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xác định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, hải đảo.

c) Chỉ đạo các lực lượng chuyên trách tham gia kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo.

d) Báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình công tác thực hiện các chương trình, kế hoạch phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo; ứng phó khắc phục sự cố môi trường, thiên tai và bảo vệ môi trường biển trong lĩnh vực quản lý của mình và gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp các thông tin, số liệu trong hoạt động khai thác, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản; cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền.

4. Sở Giao thông vận tải cung cấp các thông tin, số liệu trong hoạt động của cảng biển, luồng hàng hải và các cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển.

5. Sở Công Thương cung cấp các thông tin, số liệu trong thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí; trong hoạt động của cụm, điểm công nghiệp ven biển.

6. Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên cung cấp các thông tin, số liệu trong hoạt động của các khu công nghiệp, khu kinh tế vùng ven biển;

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp các thông tin, số liệu về tình hình phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển.

8. Sở Xây dựng cung cấp các thông tin, số liệu đối với khu đô thị, công trình xây dựng ven biển, hải đảo.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp các thông tin, số liệu đối với khu và điểm văn hóa, thể thao, du lịch biển, ven biển và hải đảo.

10. Công an, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các lực lượng chức năng trực thuộc tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường vùng ven biển, hải đảo; huy động lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố môi trường vùng ven biển, hải đảo.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố ven biển có trách nhiệm:

a) Phát hiện và báo cáo kịp thời về các sự cố môi trường biển xảy ra trên phạm vi do địa phương quản lý; cung cấp số liệu quan trắc môi trường biển, hải đảo do mình thực hiện (nếu có).

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành liên quan điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xác định các khu vực ô nhiễm nghiêm trọng và nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, hải đảo trong phạm vi quản lý của địa phương.

c) Tổ chức thực hiện các kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, xử lý và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, hải đảo theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cùng với các sở, ban, ngành huy động các nguồn lực để ngăn chặn, ứng phó các sự cố môi trường biển, hải đảo; giải quyết việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường biển, hải đảo theo quy định của pháp luật.

e) Báo cáo định kỳ hàng năm về công tác quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó, khắc phục sự cố môi trường, thiên tai trên biển, hải đảo; tình hình và dự báo xu thế biến động bờ biển thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển và hải đảo.

b) Hỗ trợ, trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố ven biển để phục vụ công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân về khai thác, sử dụng bền

vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển, hải đảo.

c) Phối hợp với các sở, ngành và địa phương ven biển xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các sự kiện của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam.

2. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm:

a) Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng chương trình, kế hoạch dài hạn, trung hạn về phổ biến, giáo dục pháp luật về biển, hải đảo.

b) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND Tỉnh chỉ đạo các cơ quan báo chí dành thời lượng đưa tin, bài, chuyên mục tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, đảo.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lựa chọn các chủ đề về biển, hải đảo để tổ chức tuyên truyền chính sách, pháp luật thông qua các buổi diễn thuyết, nói chuyện chuyên đề, các cuộc thi tìm hiểu về biển, hải đảo quê hương cho các đối tượng học sinh, sinh viên.

d) Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại Phú Yên, Đài Phát thanh và Truyền hình Phú Yên, Báo Phú Yên có trách nhiệm bố trí thời lượng phát sóng, đưa tin, bài, chuyên mục tuyên truyền về chính sách, pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, hải đảo; các sự kiện của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam.

e) Các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm hưởng ứng các sự kiện của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực biển, hải đảo; và tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo liên quan đến nội dung quản lý của ngành.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố ven biển có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, hải đảo trên địa bàn địa phương.

b) Chỉ đạo cơ quan phát thanh địa phương bố trí thời lượng phát sóng, đưa tin, bài, chuyên mục tuyên truyền về quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, hải đảo; các sự kiện của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam.

c) Địa phương ven biển được chọn làm nơi tổ chức Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các sự kiện của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam; bố trí địa điểm, nguồn lực tổ chức sự kiện và bảo đảm an ninh, an toàn trật tự trong thời gian diễn ra Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam.

Điều 10. Hợp tác về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tham mưu UBND Tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hợp tác trong và ngoài nước để quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; ứng dụng khoa học - công nghệ phục vụ công tác điều tra, nghiên cứu biển, đảo; thăm dò tài nguyên, phát triển khoa học - công nghệ biển; phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển, hải đảo.

b) Tổng hợp kết quả thực hiện các chương trình, dự án hợp tác trong và ngoài nước về các lĩnh vực liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, hải đảo của các sở, ban, ngành báo cáo UBND Tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm về kết quả thực hiện và đề xuất các chương trình dự án hợp tác trong nước và quốc tế liên quan đến lĩnh vực quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo do đơn vị mình quản lý gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp trình UBND Tỉnh.

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo về kết quả thực hiện và đề xuất các chương trình, dự án hợp tác trong nước và quốc tế về lĩnh vực bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản; khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản và sản xuất muối; phát triển và bảo vệ hệ thống rừng ngập mặn, các công trình đê, kè biển và nhu cầu đầu tư xây dựng khác.

b) Sở Giao thông vận tải báo cáo về kết quả thực hiện và đề xuất các chương trình, dự án hợp tác trong nước và quốc tế trong lĩnh vực hàng hải.

c) Sở Công Thương có trách nhiệm báo cáo về kết quả thực hiện và đề xuất các chương trình, dự án hợp tác trong nước và quốc tế trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí.

d) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm báo cáo về kết quả thực hiện và đề xuất các chương trình, dự án hợp tác trong nước và quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn di sản biển, hoạt động du lịch biển, đảo và các lĩnh vực khác có liên quan.

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm báo cáo về kết quả thực hiện và đề xuất các chương trình, dự án hợp tác trong nước và quốc tế trong việc phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển.

e) Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất các chương trình, dự án hợp tác trong nước và quốc tế trong việc phát triển khu kinh tế và các khu công nghiệp ven biển.

g) Sở Xây dựng có trách nhiệm báo cáo về kết quả thực hiện và đề xuất các chương trình, dự án hợp tác trong nước và quốc tế trong xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội vùng ven biển, quy hoạch phát triển các đô thị ven biển và hải đảo.

h) Các cơ quan, tổ chức khác quản lý hoặc chủ trì thực hiện các chương trình, dự án điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường biển, đảo trên địa bàn tỉnh

Phụ Yên bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước có trách nhiệm báo cáo kết quả và nhu cầu hợp tác trong và ngoài nước về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo do mình thực hiện.

3. Văn phòng UBND Tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương tăng cường hỗ trợ quảng bá, đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố ven biển có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện và đề xuất các chương trình, dự án hợp tác trong nước, quốc tế về lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý của địa phương và gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố ven biển trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, lực lượng thuộc quyền thực hiện phối hợp những nội dung có liên quan được quy định tại Quy chế này.

2. Chi cục Biển và Hải đảo là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ phối hợp quy định tại Quy chế này.

3. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm cử cơ quan đầu mối phối hợp và gửi thông báo về Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Chi cục Biển và Hải đảo).

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố ven biển có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan kiểm tra thực hiện Quy chế này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Trúc